

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật ban hành văn bản Quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 và các Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV;

- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

- Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước đây) đã ban hành Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước đây) đã ban hành Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 22/6/2025 của Quốc hội thì các quy định về chế độ, chính sách, mức chi tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND không còn phù hợp. Do đó, cần phải điều chỉnh, thay thế các Nghị quyết nêu trên để đảm bảo thống nhất trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Bảo đảm phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác quản lý nhà nước trong công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Tạo khuôn khổ pháp lý cho các cơ sở cai nghiện ma túy thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, người cai nghiện ma túy trong các cơ sở cai nghiện công lập, người cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy định tại Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14 ngày 30/3/2021; Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy; Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết phải bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã; Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh nghiên cứu, rà soát quy định để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Công an, nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý; lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan, gửi Sở Tư pháp thẩm định và tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (theo trình tự rút gọn).

Đồng thời, Dự thảo Nghị quyết đã được thông qua Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng

- Người cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện tại các sở cai nghiện ma túy công lập.

- Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 08 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Mức hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

Điều 8. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú: Tiền quần áo: 01 bộ/người (không quá 400.000 đồng/bộ/người).

Căn cứ đề xuất: (1) Kế thừa mức hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai (trước đây), Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định (trước đây) ; (2) Mức chi hỗ trợ được quy định tại điểm a khoản 11, Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính; (3) Đời sống kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, mặt bằng giá cả và các khoản chi phí sinh hoạt ngày càng tăng cao; (4) Theo mức hỗ trợ này, chi ngân sách là 132.000.000 đồng.

b) Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ theo quy định, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ:

- Hỗ trợ 5% chi phí còn lại thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

Căn cứ đề xuất: Mức chi hỗ trợ được quy định tại khoản 1, Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hỗ trợ 5% chi phí còn lại của cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Căn cứ đề xuất: Mức chi hỗ trợ được quy định tại khoản 2, Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính.

c) Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

- Chi thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Căn cứ đề xuất: (1) Mức chi hỗ trợ được quy định tại khoản 2, Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính; (2) Mức hỗ trợ hiện tại là chưa có, nếu áp dụng thì căn cứ khoản 1, Điều 34 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ thì tỉnh Gia Lai có ít nhất 135 người được hưởng trợ cấp, theo mức hỗ trợ này, chi ngân sách 01 tháng là 189.540.000 đồng, tương ứng 01 năm là 2.274.480.000 đồng.

- Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Căn cứ đề xuất: (1) Mức chi hỗ trợ được quy định tại khoản 3, Điều 6 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính; (2) Mức hỗ trợ hiện tại là chưa có, hiện tại Gia Lai có 06 người đang cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo mức hỗ trợ này, chi ngân sách là 14.040.000 đồng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Nguồn lực

a) Về nhân lực

- Công an tỉnh đảm bảo bố trí đủ cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức để thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy.

- Chủ tịch UBND cấp xã phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo quy định.

b) Về kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo (ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh hỗ trợ).

2. Điều kiện bảo đảm việc thi hành Nghị quyết: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua: Trình tại Kỳ họp thứ 2 (*chuyên đề*) của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy

tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết và các tài liệu khác có liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, C5, C2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và mức trợ cấp đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 462/TTr-UBND ngày 14/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 112/BC-BPC ngày 21/5/2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và mức trợ cấp đối

với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện tại các sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú

Tiền quần áo: 01 bộ/người (không quá 400.000 đồng/bộ/người).

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ theo quy định, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 5% chi phí còn lại của cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

Chi thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 6 năm 2026.
2. Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Quy định về mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như điều 7;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Ra Lan Chung

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp, phụ cấp đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy và cơ sở trợ giúp xã hội công lập;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 2194/TTr-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm

tra số 132/BC-BVHXXH ngày 12/10/2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy (cai nghiện bắt buộc và tự nguyện) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.
2. Công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia hoặc có liên quan đến công tác cai nghiện ma túy.

Điều 3. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ tiền ăn hằng tháng của người cai nghiện bắt buộc bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành. Tiền ăn ngày Lễ, Tết dương lịch bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn các ngày Tết nguyên đán bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; tiền ăn đối với người cai nghiện bị ốm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.
2. Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân của người cai nghiện bắt buộc (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành/người/năm.
3. Hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú, gồm:
 - a) Tiền ăn trong những ngày đi đường: 85.000đồng/người/ngày, tối đa không quá 03 ngày.
 - b) Tiền tàu xe: Mức hỗ trợ theo giá phương tiện công cộng phổ thông.
 - c) Tiền quần áo: 01 bộ/người (300.000 đồng/bộ/người).

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ 100% chi phí thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ, bao gồm:

a) Chi phí cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi thuốc chữa bệnh thông thường: Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hỗ trợ tiền ăn và các khoản quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (kể cả băng vệ sinh đối với nữ) bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.

Điều 5. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành.

2. Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 6. Trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động

Chi trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định hỗ trợ, đóng góp

đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tương ứng tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII Kỳ họp thứ Mười bốn (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 10 năm 2023. *78*

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2023/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 06 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác
cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 14**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ
quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm
hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân
sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy
bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai
nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số 221/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Bình Định về ban hành Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp
thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn
tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số 67/BC-VHXX ngày 30 tháng 11 năm 2023 của*

Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định đối tượng, một số nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp bắt buộc đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy.

b) Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện ma túy.

c) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

d) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp bắt buộc đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Nội dung, mức chi hỗ trợ, đóng góp

a) Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy

- Chi phí mai táng (trong trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ): Bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Hỗ trợ 01 (một) bộ quần áo thông thường phù hợp đối với người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy khi trở về địa phương cư trú: Mức chi theo giá thực tế nhưng tối đa 400.000 đồng/bộ/người.

b) Hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

- Hỗ trợ tiền ăn trong ngày lễ, Tết dương lịch được tăng thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán được hỗ trợ tăng thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

- Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

c) Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy

Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ theo quy định, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí còn lại như sau:

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.
- Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất 400.000 đồng/người/lần hợp đồng.
- Tiền phục vụ, quản lý 500.000 đồng/người/lần hợp đồng.
- Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao: 100.000 đồng/thời gian theo quy định.

d) Các nội dung không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo mức hỗ trợ tối đa được quy định tại Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ; Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Kinh phí thực hiện

a) Từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành.

b) Từ đóng góp của cá nhân, gia đình có người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2023/.

CHỦ TỊCH

Hồ Quốc Dũng

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ CAI NGHIỆN MA TÚY CÔNG LẬP VÀ CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG; MỨC TRỢ CẤP ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC TỔ CHỨC CAI NGHIỆN MA TÚY TỰ NGUYỆN TẠI GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI THAY THẾ NGHỊ QUYẾT SỐ 35/2023/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 CỦA HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 58/2023/NQ-HĐND NGÀY 20/10/2023 CỦA HĐND TỈNH GIA LAI

NGHỊ QUYẾT SỐ 35/2023/NQ-HĐND NGÀY 06/12/2023 CỦA HĐND TỈNH BÌNH ĐỊNH VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 58/2023/NQ-HĐND NGÀY 20/10/2023 CỦA HĐND TỈNH GIA LAI CŨ	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT MỚI	THUYẾT MINH
Khoản 1, điều 1: 1. Phạm vi điều chỉnh - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND: quy định đối tượng, một số nội dung, mức chi hỗ trợ, mức đóng góp thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Định. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND: quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh.	Dự thảo Nghị quyết này kế thừa, điều chỉnh một số nội dung, mức chi hỗ trợ của Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai cũ và Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND tỉnh Bình Định cũ, đảm bảo phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước về công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện chuyển sang Bộ Công an.
Khoản 2, Điều 1: Đối tượng áp dụng - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND áp dụng đối với: người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp bắt buộc đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy; người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai	Về thực tiễn quản lý, việc bổ sung này phù hợp với tình hình tổ chức cai nghiện ma túy hiện nay và mô hình tổ chức mới của lực lượng Công an nhân dân.

và tại cơ sở cai nghiện ma túy; người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND áp dụng đối với: người cai nghiện ma túy (cai nghiện bắt buộc và tự nguyện) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; công chức, viên chức, người lao động làm việc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	ngihten ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. 2. Người làm công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. 3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.	
3. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND quy định: + Hỗ trợ tiền ăn trong ngày lễ, tết dương lịch tăng thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; tết nguyên đán tăng thêm bằng 05 lần; chế độ ăn đối với người bị ốm không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường. + Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. + Đồng thời quy định mức đóng góp còn lại của người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở đối với các khoản điện, nước, cơ sở vật chất, phục vụ quản lý, hoạt động văn nghệ - thể thao. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND quy định: + Hỗ trợ 100% chi phí thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần. + Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. + Hỗ trợ tiền ăn và các khoản quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc.	Điều 3. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập 1. Mức hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú - Tiền quần áo: 01 bộ/người (không quá 400.000 đồng/bộ/người). 2. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập Ngoài các nội dung và mức chi được nhà nước hỗ trợ theo quy định, người tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ: 1. Hỗ trợ 5% chi phí còn lại thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền	- Hiện Bộ Công an đã thực hiện các chế độ dành cho học viên cai nghiện (cai nghiện bắt buộc và cai nghiện tự nguyện) tại các cơ sở cai nghiện công lập do Ngành quản lý: các chi phí tiền ăn, tiền sinh hoạt cá nhân, chi phí cai nghiện, chi phí thuốc men ... đã được Bộ Công an chi trả theo quy định. Do đó không hỗ trợ tiền ăn, tiền sinh hoạt cá nhân như Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND. 1. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập - Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ người cai nghiện bắt buộc khi chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện công lập trở về địa phương nơi cư trú: tiền quần áo 01 bộ/người (không quá 400.000 đồng/bộ/người) từ nguồn kinh phí của địa phương nhằm hỗ trợ thêm và động viên người cai nghiện bắt buộc tái hòa nhập cộng đồng. - Các khoản kinh phí khác Bộ Công an đã chi trả. 2. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

	quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập. 2. Hỗ trợ 5% chi phí còn lại của cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.	- Bộ Công an chi trả 95% chi phí của cai nghiện ma túy và thuốc chữa bệnh thông thường cho các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, do đó Dự thảo Nghị quyết đề xuất hỗ trợ 05% chi phí còn lại. - Các khoản chi phí khác: tiền ăn, tiền sinh hoạt cá nhân, chi phí cai nghiện ... Bộ Công an chi trả (hỗ trợ 70% tiền ăn trong ngày lễ, tết dương lịch tăng thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; tết Nguyên đán tăng thêm bằng 05 lần; chế độ ăn đối với người bị ốm không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; Hỗ trợ tiền ăn và các khoản quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc) và phần kinh phí còn lại học viên đóng góp theo quy định. Do đó Dự thảo Nghị quyết không đề xuất hỗ trợ.
4. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND quy định công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; về kinh phí, các nội dung không quy định cụ thể thì thực hiện theo mức hỗ trợ tối đa của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP và Thông tư số 62/2022/TT-BTC. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND quy định:	Điều 4. Mức hỗ trợ đối với công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng 1. Chi thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban	Thống nhất mức chi hỗ trợ trả thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo mức tối đa của Thông tư 62; Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24

+ Thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch UBND cấp xã bằng 0,3 lần mức lương cơ sở hiện hành. + Hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP bằng 01 lần mức lương cơ sở hiện hành.	nhân dân cấp xã bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành. 2. Chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ bằng 01 (một) lần mức lương cơ sở hiện hành.	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ nhằm động viên, hỗ trợ cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng yên tâm công tác.
6. Nguồn kinh phí thực hiện - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND quy định kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp nhiệm vụ chi hiện hành và từ đóng góp của cá nhân, gia đình có người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND quy định kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách.	Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước	Phù hợp với tình hình phân công, phân cấp hiện nay của các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.
7. Tổ chức thực hiện và giám sát - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện. - Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND giao UBND tỉnh triển khai thực hiện; Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện.	Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	Nội dung này được dự thảo kế thừa ổn định từ cả hai nghị quyết cũ, phù hợp thẩm quyền của HĐND tỉnh. Về kỹ thuật trình bày, có thể giữ nguyên như dự thảo. Trường hợp cần làm rõ hơn trách nhiệm của cơ quan chuyên môn sau sáp nhập, nội dung này có thể được cụ thể hóa tại tờ trình hoặc văn bản tổ chức thực hiện của UBND tỉnh, không nhất thiết phải ghi quá chi tiết trong nghị quyết.
8. Hiệu lực thi hành; thay thế, hết hiệu lực văn bản cũ - Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Định.	Điều 7. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết mới có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND tỉnh	Nội dung này là tất yếu về mặt pháp lý nhằm thống nhất áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau sáp nhập. Tuy nhiên, câu chữ cần chỉnh lý theo đúng kỹ thuật lập pháp: không nên ghi “hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết này được thông qua” mà nên ghi “kể từ ngày nghị quyết này có hiệu

- Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND thay thế Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Gia Lai; đồng thời quy định trường hợp văn bản được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng văn bản mới tương ứng.	Gia Lai và Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày nghị quyết mới có hiệu lực.	lực thi hành”. Đồng thời, nên bổ sung quy định xử lý trường hợp văn bản được viện dẫn trong nghị quyết bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, theo hướng kế thừa khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND, để tránh khoảng trống áp dụng pháp luật trong quá trình thực hiện.
--	---	--